

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung

UL68 – TÂM AN BẢO PHÁT

Lá chắn vững vàng, gia đình an Khang



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“MAP Life”)

Trụ sở tại: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 28 2220 1050 – Hotline: 1900 6603

Website: map-life.com.vn

Email: dichvukhachhang@map-life.com.vn

Trung tâm dịch vụ khách hàng:

Văn phòng Hồ Chí Minh: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng, 436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng Hà Nội: Tầng 9, tòa nhà Mặt Trời Sông
23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công cụ tính toán và hướng dẫn sử dụng vui lòng truy cập: <https://bangtinh.map-life.com.vn/TamAnBaoPhat>

Giấy phép số: 31 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/3/2005, điều chỉnh tại Giấy phép số 31/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8/5/2018. Vốn điều lệ: 2.158 tỷ VND

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG UL68 - TÂM AN BẢO PHÁT

Lá chắn vững vàng, gia đình an Khang

Cuộc sống của bạn liên tục thay đổi theo thời gian. Hãy nhìn về phía trước 5 năm, 10 năm, 20 năm và bạn có thể thấy một mái ấm tràn ngập yêu thương. Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát sẽ cùng đồng hành với sự thay đổi của bạn, bảo vệ gia đình, ngôi nhà và tương lai của bạn.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát cùng bạn làm chủ mọi khoảnh khắc trên hành trình kiến tạo tương lai thịnh vượng.

BẢO VỆ CHU TOÀN, GIA ĐÌNH AN KHANG

- **Đầu tư an toàn** với mức lãi suất được đảm bảo và Thường duy trì hợp đồng hấp dẫn.
- **Bảo vệ lên đến 500% Số tiền bảo hiểm** trước rủi ro tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn.
- **Miễn phí rút tiền** từ tài khoản đóng thêm giúp bạn linh hoạt cân đối kế hoạch tài chính.
- **Mở rộng quyền lợi bảo vệ cho cả gia đình** khi tham gia thêm sản phẩm đính kèm của Mirae Asset Prévoir.



TÓM TẮT BẢNG MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG UL68 - TÂM AN BẢO PHÁT

Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

1. Tóm tắt nội dung

Nội dung	Trang
I. Thông tin chung về Hợp đồng bảo hiểm	4
II. Thông tin chi tiết Hợp đồng bảo hiểm	6
III. Minh họa về phân bổ Phí bảo hiểm và các Quyền lợi bảo hiểm	7
IV. Phí bảo hiểm và các khoản phí của sản phẩm chính	17
V. Mô tả hoạt động của Quỹ liên kết chung	18
VI. Một số điểm cần lưu ý	19
VII. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	19
VIII. Xác nhận của khách hàng và Tư vấn viên	20

2. Tóm tắt Giá trị tài khoản hợp đồng và Quyền lợi bảo hiểm (*)

ĐVT: Đồng Việt Nam

Năm hợp đồng / Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm lũy kế	Minh họa ở mức lãi suất đầu tư dự kiến: 5,0%/năm (không đảm bảo)	
		Quyền lợi bảo vệ	Giá trị tài khoản hợp đồng
4/38	86.232.000	2.000.000.000	48.281.000
8/42	172.464.000	2.000.000.000	133.438.000
12/46	258.696.000	2.000.000.000	239.582.000
16/50	344.928.000	2.000.000.000	367.657.000
20/54	431.160.000	2.000.000.000	522.379.000

(*) Minh họa trong trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến sản phẩm chính, ở mức lãi suất dự kiến, Giá trị tài khoản hợp đồng của khách hàng sẽ lớn hơn tổng phí đóng của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát ở năm hợp đồng thứ 15.

Quyền lợi bảo vệ bao gồm Quyền lợi tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn cộng với Quyền lợi bổ sung (nếu có).

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Thông tin về khách hàng

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Số Giấy tờ tùy thân	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH):	Khách Hàng	Nam	01/01/1990	35		
Người được bảo hiểm (NĐBH):	Khách Hàng	Nam	01/01/1990	35		

2. Tóm tắt về sản phẩm bảo hiểm

ĐVT: Đồng Việt Nam

SẢN PHẨM CHÍNH	Người được bảo hiểm	Nhóm nghề	THHĐ/THĐP (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát - Kế hoạch A - Lựa chọn 1	Khách Hàng		65/65	1.000.000.000	21.558.000
Quyền lợi bổ sung	Khách Hàng			1.000.000.000	

Thời hạn đóng phí cơ bản dự kiến: 20 năm
Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm

Định kỳ đóng phí dự kiến: theo Giấy yêu cầu bảo hiểm.

PHÍ BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ ĐÓNG PHÍ	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản (a)	21.558.000	10.779.000	5.390.000
Phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm đính kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm đóng thêm (c)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm dự kiến của sản phẩm chính và sản phẩm đính kèm (d) = (a) + (b) + (c)	21.558.000	10.779.000	5.390.000

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên là phí được tính cho người có sức khỏe chuẩn theo quy định của Công ty. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa vào kết quả thẩm định.
- Thời hạn đóng phí và Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát bằng với Thời hạn hợp đồng.
- Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát là tên gọi thương mại của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2018 được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và ban hành theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir.
- TV: tử vong; TTTBVV: Thương tật toàn bộ vĩnh viễn; STBH: Số tiền bảo hiểm; PBH: Phí bảo hiểm; THHĐ: Thời hạn hợp đồng; THĐP: Thời hạn đóng phí; BH có điều kiện: Bảo hiểm có điều kiện; BMBH: Bên mua bảo hiểm; NĐBH: Người được bảo hiểm; NĐBHBS: Người được bảo hiểm bổ sung; ĐVT: Đơn vị tính.
- Phí bảo hiểm hàng năm của (các) sản phẩm đính kèm được minh họa cho năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm hàng năm của (các) sản phẩm đính kèm có thể thay đổi phụ thuộc vào độ tuổi của khách hàng và/hoặc năm hợp đồng của HĐBH đính kèm.
- Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát là 04 năm đầu tiên kể từ Ngày hiệu lực. Sau thời hạn này, khách hàng có quyền linh hoạt đóng phí. Tuy nhiên, khách hàng cần đóng phí đúng như dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

3. Thông tin về đại lý bảo hiểm

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC

Tên của tổ chức:	Ngân hàng thương mại cổ phần [REDACTED]	Địa chỉ: Dummy
Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý:	Tư vấn sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu sản phẩm bảo hiểm; chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm.	
Họ và tên Tư vấn viên:	Agent Dummy	Mã số đại lý: 60004281
Địa chỉ email của Tư vấn viên:	dummy@map-life.com.vn	
Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của Tư vấn viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm: CERT-Dummy		

II. THÔNG TIN CHI TIẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Tóm tắt Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính

ĐVT: Đồng Việt Nam

Sản phẩm	Tên quyền lợi	Sự kiện bảo hiểm/ điều kiện	Mô tả nội dung quyền lợi
Dành cho Người được bảo hiểm Khách Hàng			
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung UL68 - Tâm An Bảo Phát - Kế hoạch A - Lựa chọn 1	A. Quyền lợi có đảm bảo		
	1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro		
	Quyền lợi cơ bản	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa (1.000.000.000 và Giá trị tài khoản hợp đồng)
		TTTBVV	Giá trị lớn hơn giữa (1.000.000.000 và Giá trị tài khoản hợp đồng)
	Quyền lợi bổ sung	Tử vong hoặc TTTBVV do Tai nạn	Cộng thêm 1.000.000.000
	Lưu ý: Rủi ro TTTBVV và TV/ TTTBVV do tai nạn chỉ được bảo hiểm cho đến hết Năm hợp đồng mà Người được bảo hiểm được 65 tuổi.		
	2. Quyền lợi khác		
	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng	Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực: - Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ; và - Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.	Vào cuối năm hợp đồng: - Thứ 4: 6% Giá trị trung bình Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ phí hàng năm - Thứ 8: 12% Giá trị trung bình Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ phí hàng năm - Thứ 12: 18% Giá trị trung bình Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ phí hàng năm - Thứ 16: 24% Giá trị trung bình Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ phí hàng năm - Thứ 20: 30% Giá trị trung bình Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ phí hàng năm
	Quyền lợi đáo hạn	Hợp đồng bảo hiểm còn duy trì hiệu lực đến Ngày đáo hạn	Giá trị tài khoản hợp đồng
	B. Quyền lợi không đảm bảo		
	Quyền lợi đầu tư		
	Quyền lợi nhận lãi đầu tư	Hợp đồng bảo hiểm còn duy trì hiệu lực	Khoản tiền lãi đầu tư sẽ được cộng vào Giá trị tài khoản Cơ bản/ Đóng thêm với mức lãi suất công bố không thấp hơn 2%/năm. Về Quyền lợi đầu tư và phí đem đi đầu tư quý khách hàng vui lòng xem thêm tại mục 1b và 2b III.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm

a. Minh họa về quyền lợi theo Quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

ĐVT: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Khoản tiền rút	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm (đảm bảo)				Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)			
					Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1/35	21.558	9.701		-	1.000.000	1.000.000	6.503	-	1.000.000	1.000.000	6.736	-
2/36	21.558	12.935		-	1.000.000	1.000.000	16.304	-	1.000.000	1.000.000	17.073	-
3/37	21.558	16.169		-	1.000.000	1.000.000	29.463	7.905	1.000.000	1.000.000	31.182	9.624
4/38	21.558	17.246		1.293	1.000.000	1.000.000	45.132	23.574	1.000.000	1.000.000	48.281	26.723
5/39	21.558	19.402		-	1.000.000	1.000.000	61.854	44.607	1.000.000	1.000.000	67.034	49.787
6/40	21.558	20.049		-	1.000.000	1.000.000	79.390	66.455	1.000.000	1.000.000	87.232	74.297
7/41	21.558	20.049		-	1.000.000	1.000.000	97.086	88.463	1.000.000	1.000.000	108.259	99.636
8/42	21.558	20.696		2.587	1.000.000	1.000.000	118.194	113.882	1.000.000	1.000.000	133.438	129.127
9/43	21.558	20.696		-	1.000.000	1.000.000	136.926	134.770	1.000.000	1.000.000	157.081	154.926
10/44	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	156.265	156.265	1.000.000	1.000.000	182.184	182.184
11/45	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	175.776	175.776	1.000.000	1.000.000	208.361	208.361
12/46	21.558	21.127		3.880	1.000.000	1.000.000	199.344	199.344	1.000.000	1.000.000	239.582	239.582
13/47	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	219.286	219.286	1.000.000	1.000.000	268.293	268.293
14/48	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	239.405	239.405	1.000.000	1.000.000	298.302	298.302
15/49	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	259.681	259.681	1.000.000	1.000.000	329.657	329.657
16/50	21.558	21.127		5.174	1.000.000	1.000.000	285.291	285.291	1.000.000	1.000.000	367.657	367.657
17/51	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	305.955	305.955	1.000.000	1.000.000	402.200	402.200

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Khoản tiền rút	Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm (đảm bảo)				Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)			
					Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18/52	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	326.723	326.723	1.000.000	1.000.000	438.356	438.356
19/53	21.558	21.127		-	1.000.000	1.000.000	347.552	347.552	1.000.000	1.000.000	476.196	476.196
20/54	21.558	21.127		6.467	1.000.000	1.000.000	374.915	374.915	1.000.000	1.000.000	522.379	522.379
21/55	-	-		-	1.000.000	1.000.000	374.264	374.264	1.000.000	1.000.000	526.333	526.333
22/56	-	-		-	1.000.000	1.000.000	372.960	372.960	1.000.000	1.000.000	529.937	529.937
23/57	-	-		-	1.000.000	1.000.000	370.931	370.931	1.000.000	1.000.000	533.148	533.148
24/58	-	-		-	1.000.000	1.000.000	368.125	368.125	1.000.000	1.000.000	535.956	535.956
25/59	-	-		-	1.000.000	1.000.000	364.402	364.402	1.000.000	1.000.000	538.247	538.247
26/60	-	-		-	1.000.000	1.000.000	359.650	359.650	1.000.000	1.000.000	539.972	539.972
27/61	-	-		-	1.000.000	1.000.000	353.698	353.698	1.000.000	1.000.000	541.032	541.032
28/62	-	-		-	1.000.000	1.000.000	346.371	346.371	1.000.000	1.000.000	541.340	541.340
29/63	-	-		-	1.000.000	1.000.000	337.403	337.403	1.000.000	1.000.000	540.708	540.708
30/64	-	-		-	1.000.000	1.000.000	326.567	326.567	1.000.000	1.000.000	539.026	539.026
31/65	-	-		-	1.000.000	1.000.000	313.611	313.611	1.000.000	1.000.000	536.157	536.157
32/66	-	-		-	1.000.000	-	299.199	299.199	1.000.000	-	532.908	532.908
33/67	-	-		-	1.000.000	-	282.118	282.118	1.000.000	-	528.188	528.188
34/68	-	-		-	1.000.000	-	262.001	262.001	1.000.000	-	521.826	521.826
35/69	-	-		-	1.000.000	-	238.330	238.330	1.000.000	-	513.544	513.544
36/70	-	-		-	1.000.000	-	210.437	210.437	1.000.000	-	503.003	503.003
37/71	-	-		-	1.000.000	-	177.409	177.409	1.000.000	-	489.665	489.665
38/72	-	-		-	1.000.000	-	138.127	138.127	1.000.000	-	472.945	472.945

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Khoản tiền rút	Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm (đảm bảo)				Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)			
					Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
39/73	-	-		-	1.000.000	-	91.205	91.205	1.000.000	-	452.099	452.099
40/74	-	-		-	1.000.000	-	35.058	35.058	1.000.000	-	426.315	426.315
41/75	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	394.579	394.579
42/76	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	355.778	355.778
43/77	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	308.545	308.545
44/78	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	251.146	251.146
45/79	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	181.156	181.156
46/80	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	-	95.306	95.306

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Khoản tiền rút”), Cột 5 (“Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng”), Cột 8 và Cột 12 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 9 và cột 13 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:
 - Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 5,0%/năm.
 - Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

ĐVT: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ			
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng PBH đem đi đầu tư	Mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm		Mức lãi suất đầu tư dự kiến	
										Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)	(14)
1/35	21.558	-	21.558	11.857	-	11.857	9.701	-	9.701	300	3.054	300	3.054
2/36	21.558	-	21.558	8.623	-	8.623	12.935	-	12.935	300	3.181	300	3.180
3/37	21.558	-	21.558	5.390	-	5.390	16.169	-	16.169	300	3.316	300	3.313
4/38	21.558	-	21.558	4.312	-	4.312	17.246	-	17.246	300	3.462	300	3.456
5/39	21.558	-	21.558	2.156	-	2.156	19.402	-	19.402	300	3.621	300	3.609
6/40	21.558	-	21.558	1.509	-	1.509	20.049	-	20.049	300	3.801	300	3.781
7/41	21.558	-	21.558	1.509	-	1.509	20.049	-	20.049	300	3.989	300	3.957
8/42	21.558	-	21.558	862	-	862	20.696	-	20.696	300	4.183	300	4.135
9/43	21.558	-	21.558	862	-	862	20.696	-	20.696	300	4.381	300	4.311
10/44	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	4.591	300	4.491
11/45	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	4.803	300	4.666
12/46	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	5.024	300	4.840
13/47	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	5.224	300	4.979
14/48	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	5.448	300	5.129
15/49	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	5.691	300	5.278
16/50	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	5.949	300	5.420
17/51	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	6.207	300	5.531
18/52	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	6.522	300	5.662

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ			
										Mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm		Mức lãi suất đầu tư dự kiến	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)	(14)
19/53	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	6.872	300	5.783
20/54	21.558	-	21.558	431	-	431	21.127	-	21.127	300	7.238	300	5.866
21/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	7.755	300	6.115
22/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	8.398	300	6.551
23/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	9.089	300	7.011
24/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	9.839	300	7.502
25/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	10.670	300	8.040
26/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	11.615	300	8.645
27/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	12.707	300	9.338
28/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	13.971	300	10.132
29/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	15.429	300	11.039
30/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	17.101	300	12.067
31/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	18.984	300	13.207
32/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	20.186	300	13.556
33/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	22.526	300	14.918
34/68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	25.192	300	16.450
35/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	28.310	300	18.223
36/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	32.034	300	20.323
37/71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	36.550	300	22.855

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ			
										Mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm		Mức lãi suất đầu tư dự kiến	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)	(14)
38/72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	42.086	300	25.938
39/73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	48.871	300	29.691
40/74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	57.077	300	34.190
41/75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	39.545
42/76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	45.910
43/77	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	53.487
44/78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	62.632
45/79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	73.940
46/80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	88.254

Ghi chú: Phí bảo hiểm rủi ro đã bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến trong Thời hạn đóng phí bắt buộc
a. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

ĐVT: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Khoản tiền rút	Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm (đảm bảo)				Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)			
					Quyền lợi từ vốn/ TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi từ vốn/ TTTBVV	Quyền lợi bổ sung	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1/35	21.558	9.701		-	1.000.000	1.000.000	6.503	-	1.000.000	1.000.000	6.736	-
2/36	21.558	12.935		-	1.000.000	1.000.000	16.304	-	1.000.000	1.000.000	17.073	-
3/37	21.558	16.169		-	1.000.000	1.000.000	29.463	7.905	1.000.000	1.000.000	31.182	9.624
4/38	21.558	17.246		1.293	1.000.000	1.000.000	45.132	23.574	1.000.000	1.000.000	48.281	26.723
5/39	-	-		-	1.000.000	1.000.000	42.017	24.771	1.000.000	1.000.000	46.624	29.377
6/40	-	-		-	1.000.000	1.000.000	38.591	25.656	1.000.000	1.000.000	44.639	31.704
7/41	-	-		-	1.000.000	1.000.000	34.821	26.198	1.000.000	1.000.000	42.282	33.659
8/42	-	-		-	1.000.000	1.000.000	30.681	26.370	1.000.000	1.000.000	39.519	35.208
9/43	-	-		-	1.000.000	1.000.000	26.126	23.970	1.000.000	1.000.000	36.286	34.130
10/44	-	-		-	1.000.000	1.000.000	21.125	21.125	1.000.000	1.000.000	32.539	32.539
11/45	-	-		-	1.000.000	1.000.000	15.644	15.644	1.000.000	1.000.000	28.229	28.229
12/46	-	-		-	1.000.000	1.000.000	9.638	9.638	1.000.000	1.000.000	23.295	23.295
13/47	-	-		-	1.000.000	1.000.000	3.067	3.067	1.000.000	1.000.000	17.671	17.671
14/48	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	1.000.000	11.287	11.287
15/49	-	-		-	-	-	-	-	1.000.000	1.000.000	4.043	4.043

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Khoản tiền rút”), Cột 5 (“Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng”), Cột 8 và Cột 12 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 9 và cột 13 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:
 - Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 5,0%/năm.
 - Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

ĐVT: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ			
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng PBH đem đi đầu tư	Mức lãi suất đầu tư cam kết: 2%/năm		Mức lãi suất đầu tư dự kiến	
										Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	PBH rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)	(14)
1/35	21.558	-	21.558	11.857	-	11.857	9.701	-	9.701	300	3.054	300	3.054
2/36	21.558	-	21.558	8.623	-	8.623	12.935	-	12.935	300	3.181	300	3.180
3/37	21.558	-	21.558	5.390	-	5.390	16.169	-	16.169	300	3.316	300	3.313
4/38	21.558	-	21.558	4.312	-	4.312	17.246	-	17.246	300	3.462	300	3.456
5/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	3.673	300	3.662
6/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	3.923	300	3.906
7/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	4.194	300	4.171
8/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	4.488	300	4.458
9/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	4.815	300	4.777
10/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	5.166	300	5.119
11/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	5.542	300	5.485
12/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	5.954	300	5.887
13/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	6.393	300	6.315
14/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	6.782
15/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	7.308

Ghi chú: Phí bảo hiểm rủi ro đã bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

Lưu ý:

- Theo quy định của pháp luật, Lãi suất đầu tư minh họa in tại bảng minh họa được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Trường hợp thời hạn hợp đồng dài hơn 20 năm thì kể từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi, lãi suất đầu tư minh họa là lãi suất đầu tư cam kết.
- Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

IV. PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC KHOẢN PHÍ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

- Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản phí đóng cho sản phẩm chính. Trong 04 năm đầu tiên, Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản theo Định kỳ đóng phí.
- Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản phí bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm cơ bản.
- Phí ban đầu:** được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ như bảng sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6-7	8-9	10+
Áp dụng đối với PBH cơ bản	55%	40%	25%	20%	10%	7%	4%	2%
Áp dụng đối với PBH đóng thêm	2%							

- Phí rủi ro:** được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng, được dùng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại sản phẩm chính.
- Phí quản lý hợp đồng:** là 25.000 VND / tháng. Việc điều chỉnh Phí quản lý hợp đồng (nếu có) sẽ căn cứ theo tỷ lệ lạm phát hàng năm do Chính phủ công bố, việc điều chỉnh không vượt quá 10%/năm và không quá 45.000 VND / tháng.
- Phí quản lý quỹ:** là 2%/ năm.
- Phí rút tiền:**

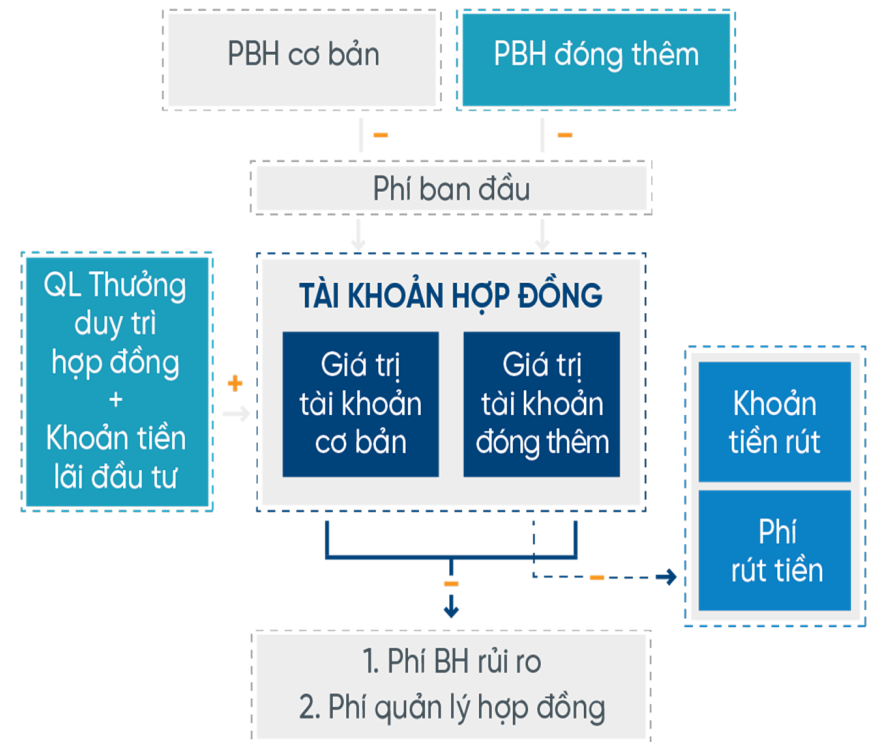
Từ tài khoản cơ bản = Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn * (Số tiền rút/ Giá trị tài khoản cơ bản).

Từ Tài khoản đóng thêm: Miễn phí.

- Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị trung bình của PBH Cơ bản theo Định kỳ hàng năm, cụ thể như sau:

Năm hợp đồng	1-4	5	6	7	8	9	10+
% Giá trị trung bình PBH cơ bản theo định kỳ năm	100%	80%	60%	40%	20%	10%	0%

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM LIÊN KẾT CHUNG



V. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Tóm tắt chính sách đầu tư của Quỹ liên kết chung

- Công ty cam kết đảm bảo mục tiêu đầu tư là mang lại lợi nhuận tối đa có thể với chính sách đầu tư thận trọng, hiệu quả và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
- Hiện nay, đối với nguồn vốn đầu tư từ Quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, Công ty sẽ triển khai đầu tư thận trọng tập trung trên các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như là tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư khác được quy định bởi pháp luật.
- Vui lòng tham khảo Chính sách Quỹ liên kết chung tại Điều 21 Quy tắc điều khoản và Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của Quỹ liên kết chung tại: www.map-life.com.vn/service/r/quy-lien-ket-chung

2. Lãi suất công bố trong 5 năm vừa qua của Quỹ liên kết chung

QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	Lãi suất công bố (%/năm)	Phí quản lý quỹ
Năm 2020	6,0% - 6,3%	2%
Năm 2021	5,4% - 5,9%	2%
Năm 2022	5,4% - 5,8%	2%
Năm 2023	5,7% - 6,1%	2%
Năm 2024	5,1% - 5,7%	2%

Ghi chú: Lãi suất nêu trên đã khấu trừ Phí quản lý quỹ (2,0%).

VI. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Việc tham gia sản phẩm đính kèm không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm này.
 - Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
 - BMBH và NĐBH phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp BMBH/NĐBH (hoặc người đại diện theo pháp luật của NĐBH) cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp này, Công ty không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm và sẽ hoàn lại toàn bộ Phí bảo hiểm, không có lãi, cho Bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi:
 - Các chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có); và
 - Các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (kể cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm đính kèm) (nếu có).
- Ngoài ra, Công ty có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- Việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản tiền phí đã đóng.

VII. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

1. Công ty có quyền không chi trả các quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và/hoặc có nguyên nhân trực tiếp từ bất kỳ sự kiện nào sau đây:
 - a) Do tự tử trong thời hạn 02 năm kể từ Ngày hiệu lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng nếu Hợp đồng được khôi phục hiệu lực;
 - b) Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
 - c) Do: (i) bị thi hành án tử hình; hoặc (ii) tự gây thương tích dù đang trong tình trạng có hoặc không có năng lực hành vi dân sự; hoặc (iii) cố ý sử dụng trái phép các chất ma túy, chất kích thích; hoặc (iv) Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau, ẩu đả; hoặc (v) chống lại việc bắt giữ của cơ quan có thẩm quyền hay vượt ngục;
 - d) Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS, các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi rút gây bệnh AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát;
 - e) Tình trạng thương tật hay bệnh lý của Người được bảo hiểm đã được khám, chẩn đoán hoặc điều trị tồn tại trước Ngày hiệu lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng gần nhất (nếu có);

- f) Sự kiện bảo hiểm xảy ra có nguyên nhân trực tiếp từ việc Người được bảo hiểm thực hiện các công việc, các hoạt động giải trí có tính rủi ro cao như: (1) làm việc ở độ cao trên 6 mét; (2) sử dụng vũ khí quân dụng; (3) hoạt động thể thao chuyên nghiệp; (4) hoạt động nuôi dưỡng và huấn luyện thú tại sở thú; (5) làm việc trong hầm mỏ; (6) hoạt động lặn chuyên nghiệp (có hoặc không sử dụng thiết bị thở dưới nước); (7) xử lý vật liệu nổ; (8) đua xe, nhảy dù, nhảy bungee, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe; (9) tham gia các hoạt động bay không phải với tư cách là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại có lịch trình bay cụ thể của hãng hàng không;
- g) Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến, bao gồm hành động xâm lược, hành động của nước thù địch, chiến tranh (tuyên chiến hay không tuyên chiến), nội chiến, nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính quân sự hoặc tiếm quyền.

Trong trường hợp Sự kiện bảo hiểm xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và/hoặc có nguyên nhân thuộc các trường hợp bị loại trừ, Công ty sẽ chi trả sẽ hoàn lại toàn bộ Phí bảo hiểm sau khi trừ đi:

- Các chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có); và
- Các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (kể cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm đính kèm) (nếu có).

2. Trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm có nhiều hơn một Người thụ hưởng và một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra các hành vi phạm tội đối với Người được bảo hiểm dẫn đến Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Công ty vẫn chi trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng còn lại theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ đã được chỉ định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Lưu ý:

Vui lòng tham khảo Quy tắc điều khoản sản phẩm đính kèm để biết chi tiết Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của sản phẩm này.

VIII. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG		XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN	
Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm này, Tôi xác nhận đã được Tư vấn viên có tên và mã số như trong tài liệu này tiến hành phân tích nhu cầu, đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi, bên mua bảo hiểm, xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên. Tôi xác nhận đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được nêu tại mục LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM của Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không phải là điều kiện bắt buộc để được thực hiện các hoạt động, dịch vụ tài chính tại tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, đơn vị khác. Tôi chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Tôi muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, Tôi sẽ liên hệ với Tư vấn viên hoặc MAP Life. ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.		Tôi, Tư vấn viên ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho Khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm và nội dung Bảng minh họa. Tôi cam kết rằng Tôi không tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm này cho Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm. Tôi cam kết rằng Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm này không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của Tổ chức nơi tôi đang làm việc (là Đại lý bảo hiểm tổ chức của Mirae Asset Prévoir). Đồng thời, Tôi cũng cam kết rằng Tổ chức nơi tôi đang làm việc không gán việc bán sản phẩm bảo hiểm này với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dưới mọi hình thức ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.	
Chữ ký:	Ký, ghi rõ họ tên - đóng dấu công ty nếu là công ty trên Thư xác nhận nội dung và chữ ký	Chữ ký:	Ký và ghi rõ họ tên trên Thư xác nhận nội dung và chữ ký
Họ và tên:	Khách Hàng	Họ và tên:	Agent Dummy
Ngày/tháng/năm:	06/02/2025	Mã số:	60004281
		Ngày/tháng/năm:	06/02/2025

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng
Tư vấn viên: Agent Dummy - Mã số: 60004281 - Văn phòng: Dummy Agent
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:
In lúc: 14:27, ngày 06/02/2025
Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 14:27, ngày 08/03/2025
Trang 21/21 BMH